

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 01 tháng 3 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 162/2022/TLST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1.1/ Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, Sinh năm: 1975; Địa chỉ: 152/9 ấp P, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (bà Nguyễn Thị L): Bà Phan Thị Hồng H - Sinh năm: 1984; địa chỉ: 351F, khu phố A, phường K, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

1.2/ Bị đơn:

- Ông Trần Tuấn N, Sinh năm: 1968; địa chỉ thường trú: khu phố B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre. Chỗ ở hiện nay: khu phố B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre;

- Bà Lê Thị V, Sinh năm: 1967; địa chỉ thường trú: 208/91 ấp A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre. Chỗ ở hiện nay: ấp S, xã Đ, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1/ Bà Lê Thị V và ông Trần Tuấn N tự nguyện đồng ý liên đới hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị L phần đất đang tranh chấp có diện tích 65m² thuộc một phần của thửa đất số 113, tờ bản đồ số 30, tọa lạc ấp S, xã Đ, huyện C, tỉnh Bến Tre (do bà Nguyễn Thị L đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất); phần đất có tứ cận như sau:

- + Bắc giáp thửa 17, tờ bản đồ 30 (Nguyễn Thị L) dài 3,57m;
 - + Nam giáp đường dài 4,22m;
 - + Đông giáp phần còn lại của thửa 113, tờ 30 (Nguyễn Thị L) dài 13,62m + 3,25m;
 - + Tây giáp thửa 42, tờ 30 (Mai Thanh H) dài 2,25m + 15,07m;
- (Có họa đồ kèm theo).

2.2/ Bà Nguyễn Thị L được toàn quyền sở hữu căn nhà xây dựng trên phần đất đang tranh chấp có diện tích 65m² thuộc một phần thửa đất 113, tờ bản đồ số 30, tọa lạc ấp S, xã Đ, huyện C, tỉnh Bến Tre (do bà Nguyễn Thị L đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Căn nhà có kết cấu như sau:

- Nhà chính (01 tầng): kết cấu khung bê tông cốt thép, tường xây gạch nền láng xi măng, mái lợp tol Frôximăng, không trần, nhà có chiều dài 13,6m và 14,1m, rộng 4,3m và 3,5m. Tổng diện tích 51,59m².

- Sân nền bê tông không cốt thép, sân có chiều dài 07m, rộng 4,3m và 5,95m. Diện tích 28,84m.

2.3/ Bà Nguyễn Thị L tự nguyện đồng ý cho bà Lê Thị V và ông Trần Tuấn N được quyền lưu cư trong thời hạn 01 (một) năm 06 (sáu) tháng kể từ ngày Tòa án ban hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

2.4/ Bà Nguyễn Thị L tự nguyện đồng ý hoàn trả lại cho bà Lê Thị V và ông Trần Tuấn N giá trị còn lại của căn nhà, công sức đóng góp, cải tạo và gìn giữ phần đất tranh chấp với tổng số tiền là 225.000.000đ (hai trăm hai mươi lăm triệu đồng) khi hết thời hạn lưu cư hoặc khi bà Lê Thị V, ông Trần Tuấn N giao trả lại nhà và đất cho bà Nguyễn Thị L trước thời hạn lưu cư.

2.5/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị L tự nguyện đồng ý nhận chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 5.775.000đồng; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ngày 05 tháng 8 năm 2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre; bà L còn phải tiếp tục nộp 5.475.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Lê Thị V và ông Trần Tuấn N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

2.6/ *Về nghĩa vụ chậm thi hành án:* Kể từ ngày bà Lê Thị V và ông Trần Tuấn N có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà Nguyễn Thị L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2.7/ *Về chi phí tố tụng:* Bà Nguyễn Thị L đồng ý tự nguyện nhận chịu toàn bộ chi phí tố tụng là 2.245.000đ (hai triệu hai trăm bốn mươi lăm ngàn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngày sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bà Nguyễn Thị L (01 bản);
- Bà Lê Thị V (01 bản);
- Ông Trần Tuấn N (01 bản);
- VKSND huyện Chợ Lách (01 bản);
- Chi cục T.H.A.D.S huyện C (01 bản);
- Phòng KTNV-T.H.A TAND tỉnh Bến Tre (01 bản);
- Lưu: Hồ sơ vụ án_(01 bản), Vp_(01 bản), Bp_(01 bản).

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Tuyên